

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28/02/2019
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng
2. Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa: Bà Khuất Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 488/2018/TLST-HNGĐ ngày 05/12/2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/01/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/02/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. *Bị đơn:* Ông Trần L, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T trình bày:

Bà T và ông L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005 nhưng đến năm 2007 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo giấy chứng nhận kết hôn số A quyền số B ngày 28-5-2007.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 3/2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do kinh tế gia đình khó khăn, ông L không có công việc thu nhập ổn định, thường xuyên nhậu nhẹt bê tha, không tôn trọng vợ con. Hai bên bất đồng quan điểm và thường xảy ra cãi vã, mâu thuẫn càng trầm trọng và ông L tự bỏ nhà đi đâu không rõ. Bà T cùng gia đình đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có tin tức gì của ông L.

Bà T đã yêu cầu và được Tòa án nhân dân thành phố B chấp nhận: Tuyên bố ông T; nơi cư trú cuối cùng: xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu mất tích. Nay bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là cháu N, sinh ngày 15/10/2006 và H, sinh ngày 08/9/2008, các con do bà T nuôi dưỡng từ khi ông L bỏ đi đến nay. Bà T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng các con, không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông L: Tại quyết định số 12/2018/QĐST-VDS ngày 13/9/2018 Tòa án nhân dân thành phố B đã tuyên bố ông L mất tích. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ đối với bị đơn.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn xét xử. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thu thập chứng cứ đầy đủ, việc xét xử vắng mặt bị đơn và trình tự tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu ly hôn, nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B. Đối với bị đơn, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết đến lần thứ hai nên căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Bà T và ông L tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng có một thời gian chung sống hạnh phúc và có với nhau hai người con chung. Tuy nhiên vào năm 2016 giữa hai bên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không hàn gắn được và ông L bỏ đi biệt tích đến nay. Lời khai của bà T là một phía tuy nhiên cũng thể hiện vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và tại phiên tòa bà T vẫn cương quyết xin ly hôn. Tại quyết định số 12/2018/QĐST-VDS ngày 13/9/2018 Tòa án nhân dân thành phố B đã tuyên bố ông L mất tích. Nay bà T xin được ly hôn với ông L, căn cứ vào quy định tại Điều 68 Bộ luật dân sự, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu N, sinh ngày 15/10/2006 và H, sinh ngày 08/9/2008. Sau khi ông L bỏ đi thì các cháu sống với bà T, việc chăm sóc thể chất và học tập của các cháu được thực hiện tốt, phù hợp với ý kiến của các cháu. Vì vậy, cần giao cả hai con cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng; về cấp dưỡng do không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 68 Bộ luật dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà T được ly hôn với ông L.

Về con chung: Giao hai con chung là cháu N, sinh ngày 15/10/2006 và H, sinh ngày 08/9/2008 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà T nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009651 ngày 05-12-2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà T đã nộp xong.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Người vắng mặt thì thời hạn tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai)./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- UBND xã H;
- (Số A, quyển B);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Hoàng Anh

